

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 24/9/2024

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Len;

2. Bà Lê Thị Giang

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T - Sinh năm 1970.

Trú tại: thôn T, xã X huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Hoàng Huy T1 - Sinh năm 1969.

Trú tại: thôn T, xã X huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Hoàng Huy T1 tự nguyện kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/11/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2005. Nguyên

nhân do: vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra xung đột cãi nhau. Sau đó, bà đi lao động xa nhà nên vợ chồng không quan tâm đến nhau. Hiện nay bà và ông T1 đã sống ly thân.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Hoàng Huy T1.

Về con chung, bà T1 trình bày: Bà và ông T1 có 03 con chung là

- H - sinh ngày 07/01/1993
- Hoàng Huy T2 - sinh ngày 24/5/1998
- Hoàng Thị M - sinh ngày 22/4/2001

Cả ba con của ông bà đều đã trưởng thành và phát bình thường về thể chất, trí tuệ; đã tự tạo lập được cuộc sống nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Lê Thị T còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh 03 con chung; Giấy xác nhận về nơi cư trú; thẻ căn cước công dân của bà (bản sao có chứng thực); biên lai thu tiền tạm ứng án phí và đơn xin xử vắng mặt.

* *Về phía bị đơn,* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông T1 các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa ... nhưng ông T1 không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Ngày 17/9/2024, ông T1 có nộp cho Tòa án bản tự khai đề ngày 17/7/2024. Trong bản tự khai, ông T1 trình bày: Cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như bà T đã trình bày. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn bà T. Về con cái: 03 con chung của ông và bà T đều đã trưởng thành và phát bình thường về thể chất, trí tuệ; đã tự tạo lập được cuộc sống nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ: ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài bản tự khai, ông T1 còn nộp cho Tòa án đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 17/9/2024

* *Tại các biên bản xác minh ngày 10/7/2024,* ông Hoàng Huy T3 là trưởng thôn Trạch Khang, xã X cung cấp thông tin:

Về hôn nhân: Về cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của bà Lê Thị T và ông Hoàng Huy T1 đúng như bà T đã trình bày ở trên.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 03 con chung. Cả ba con của ông bà đều đã trưởng thành và phát bình thường về thể chất, trí tuệ; đã tự tạo lập được cuộc sống.

Về tài sản và công nợ: ông T3 không biết thông tin gì về tình trạng tài sản của bà T và ông T1.

** Tại phiên tòa:* Bà Lê Thị T và ông Hoàng Huy T1 đều có đơn xin xử vắng mặt.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị T về việc ly hôn. Theo đó, xử cho bà T được ly hôn ông T1. Về án phí, đề nghị buộc bà T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà T và ông T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật TTDS Tòa án huyện N tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông T1.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Hoàng Huy T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/11/1981 nên hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nhau; ông bà đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn. Bản thân ông T1 cũng thừa nhận tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng và đồng ý ly hôn bà T. Vì vậy, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà T và ông T1 là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T và ông T1 có 03 con chung nhưng các con của ông bà đều đã trưởng thành và phát bình thường về thể chất, trí tuệ; đã tự tạo lập được cuộc. Bà T và ông T1 không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ: Bà T, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: bà Lê Thị T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 235; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà Lê Thị T và ông Hoàng Huy T1.

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. số tiền án phí bà T phải chi được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005515 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân

huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- UBND xã Xuân Khang.;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Đình Huy